TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-PT
Ngày: 16/01/2018
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Phan Văn Yên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 691/2017/QĐ - PT ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 – Vắng mặt

2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1968 – Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà T: Ông Phan Trần Tuấn S, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 01/10/2015 và 07/10/2015) – Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị D, sinh năm 1960; Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Long An: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Ông Trương Văn Q, sinh năm 1917; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T1, tỉnh Long An – Vắng mặt.

3/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1989 – Có mặt

4/ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1992 – Vắng mặt

5/ Ông Lê Thanh H, sinh năm 1995 – Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông T1, ông H Bà Trương Thị D, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: khu phố X, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 02/6/2017) – Có mặt.

6/ Bà Lê Thị G, sinh năm 1932; Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An – Có mặt.

7/ Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trần Tuấn S, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 11/4/2017) – Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Trần Tuấn S, bị đơn bà Trương Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T do ông Phan Trần Tuấn S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 2.100m^2 tọa lạc tại ấp Y, xã T2, huyện T2 trước đây là đất hoang, không có chủ. Năm 1982, nhà nước đã trưng dụng phần đất này giao cho Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III. Năm 1983, ông H nhập ngũ thuộc đơn vị Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Long An. Đến năm 1986, ông H xuất ngũ.

Ngày 08/12/1988, UBND tỉnh Long An có Quyết định số 1589/UB.QĐ.88 v/v quy hoạch đất cho cán bộ, chiến sỹ Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III định canh, định cư tại xã T2, T2. Theo quyết định này, ông H được cấp 2.100m^2/hộ (dài 70m, ngang 30m) tại ấp Y, xã T2, huyện T2, nay là thửa đất số 58, TBĐ số 1, tọa lạc tại thị trấn T1, huyện T1. Sau khi được cấp đất, ông H bà T cất nhà ở. Cuối năm 1993, bà D sống cặp kênh Dương Văn Dương (đối diện thửa 58) có mượn phần đất này của ông H để chất khoai và được ông H đồng ý. Cuối năm 1994, ông H bà T về nhà cha mẹ bà T ở khu phố 2, thị trấn T1, huyện T1 sinh sống. Trong thời gian này,

ông H bà T tiếp tục cho bà D mượn đất. Đến năm 1995, ông H phát hiện gia đình bà D cất nhà và chuyển sang phần đất này sinh sống. Bà D đề nghị ông H bán phần đất này cho bà D với giá 3.200.000đ nhưng ông H không đồng ý. Ông H đã liên tục khiếu nại ra UBND thị trấn T1 nhưng hòa giải không thành. Bà D đề nghị trả cho ông H thêm vài chỉ vàng để nhận chuyển nhượng phần đất trên nhưng ông H không đồng ý. Nay ông H bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả lại phần diện tích 993m^2 (đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 58, TBĐ số 1, tọa lạc tại thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (căn cứ Mảnh trích đo địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T1 ký duyệt ngày 18/3/2016). Còn nền đất do Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III lấy đất của kênh Dương Văn Dương đắp lên làm doanh trại, bà D hoàn toàn không đắp nền hay cải tạo gì thêm. Do đó, ông H bà T chỉ đồng ý hoàn trả giá trị tài sản trên đất do bà D tạo lập căn cứ chứng thư thẩm định giá ngày 10/5/2017 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức.

Bị đơn bà Trương Thị D trình bày:

Nguồn gốc phần đất 2.100m^2 (đo đạc thực tế là 993m^2) thuộc thửa 58, TBĐ số 1, tọa lạc tại thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An là do cha mẹ bà (ông Trương Văn Q và bà Lê Thị G) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công B (ông C) vào năm 1974. Cha mẹ bà sử dụng đến năm 1976 thì cho lại bà. Bà sử dụng phần đất này từ năm 1976 đến nay. Bà được biết phần đất này UBND tỉnh Long An cấp cho ông H và bà T vào năm 1988 nhưng ông H bà T chưa được cấp GCNQSDĐ. Sau khi được cấp đất, ông H bà T có cất nhà ở khoảng 2-3 tháng rồi bỏ đi nơi khác, không Qn lý, sử dụng. Sau khi ông H bà T bỏ đi, nhà của ông H bà T bị sập, bà dọn qua phần đất này cất nhà sinh sống và quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Nay ông H bà T yêu cầu bà trả lại phần đất này, bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền hai bên thỏa thuận năm 1995 là 3.200.000đ.

Ngoài ra, bà yêu cầu hủy Quyết định số 1589/UB.QĐ.88 ngày 08/12/1988 của UBND tỉnh Long An v/v quy hoạch đất cho cán bộ, chiến sỹ Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III định canh định cư tại xã T2, T2 và yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa 58 nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Long An trình bày: Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Q trình bày tại Đơn trình bày ý kiến và yêu cầu vắng mặt ngày 25/5/2017: Ông là cha của bà D. Nguồn gốc thửa đất số 58 nói trên là do ông và bà Gương nhận chuyển nhượng. Bà D quản lý, sử dụng thửa đất này từ năm 1988 đến nay. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H bà T về việc yêu cầu bà D trả lại thửa đất số 58. UBND tỉnh Long An thu hồi thửa đất số 58 giao cho bộ đội là sai quy định. Khi tiến hành

thu hồi, Ủy ban tỉnh cũng không bồi thường theo quy định của pháp luật. Ông Q yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại TAND tỉnh Long An và TAND các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, Lê Văn T1, Lê Thanh H do bà Trương Thị D đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông T, ông T1 và ông H là con của bà D và sống chung nhà với bà D. Các ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G trình bày: Bà là mẹ của bà D. Thửa đất số 58 mà ông H bà T đang tranh chấp với bà D có nguồn gốc là do bà và ông Q nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công B năm 1974. Sau đó, bà và ông Q có cho lại bà D thửa đất này. Bà sống chung với bà D trên thửa đất này khoảng 30 năm nay. Cách đây khoảng 10 năm, bà có ra riêng cất căn nhà nhỏ đơn sơ cạnh ngôi nhà kiên cố của bà D cũng trên thửa đất số 58. Nay ông H bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả lại thửa đất số 58, bà thống nhất với lời trình của bà D, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết L do ông Phan Trần Tuấn S đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà là con của ông H. Năm 1988, UBND tỉnh cấp đất cho hộ gia đình ông H gồm có ông H, bà T và bà. Bà thống nhất với yêu cầu của ông H bà D và lời trình của ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm 23/2017/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điều 34, 37, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Trương Thị D.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1589/UB.QĐ.88 ngày 08/12/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An v/v quy hoạch đất cho cán bộ, chiến sỹ Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III định canh, định cư tại xã Thủy Đông, Tân Thạnh.

Buộc bà Trương Thị D có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 469,2m^2, tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu A, B1 trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú).

Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng và được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 469,2m^2,

tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu A, B1 trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H).

Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T được sở hữu toàn bộ cây trồng có trên phần đất ký hiệu A, B1 nói trên mà không phải bồi thường giá trị cây trồng cho bà Trương Thị D.

Bà Trương Thị D được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng và được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 523,8m^2, tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu B trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H).

Bà Trương Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T số tiền 13.704.600đ.

Bà Trương Thị D và bà Lê Thị G có nghĩa vụ tháo dỡ nhà 1 diện tích 22,2m^2 trên phần đất ký hiệu khu A, diện tích 411m^2 thuộc một phần thửa 58, TBĐ số 1, tọa lạc tại thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H); di dời hồ nước và các vật dụng khác để giao trả phần đất ký hiệu A, B1 nói trên cho ông H, bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2017 ông Phan Trần Tuấn S (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/7/2017 bị đơn, bà Trương Thị D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 993 m2 tại thửa đất số 58, tờ bản đố số 01 tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An l thuộc quyền sở hữu của bà.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôn nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, bị đơn không rút kháng cáo. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Nguồn gốc lô đất đang tranh chấp thuộc thửa số 58, tờ bản đồ số 01, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An là đất ông Nguyễn Văn H được Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An cấp vào năm 1988, theo quyết định số 1589/UB.QĐ.88. Bà D khai đất là của cha mẹ bà nhận chuyển nhượng từ năm 1974 của ông Nguyễn Công B nhưng không có chứng cứ gì có căn cứ pháp lý để chứng minh. Như vậy, có thể xác định đây là đất do Nhà nước quản lý và đã được giao cho người khác sử dụng trong quá trình quản lý đất đai.

Mặc dù vậy, sau khi được cấp đất, gia đình ông H chỉ sử dụng một thời gian ngắn rồi bỏ hoang, để bà D vào chiếm và sử dụng cất nhà ở kiên cố cho đến nay. Nay Toà án nhân dân tỉnh Long An xác định bà D không có nơi ở nào khác nên tiếp tục để cho bà D sử dụng phần đất đã xây nhà kiên cố là hợp lý. Tuy nhiên, Toà án nhân dân tỉnh Long An không buộc bà D trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông H bà T mà lại chọn giải pháp chia đôi phần đất tranh chấp và chỉ buộc bà D trả cho ông H, bà T 13.704.600 đồng giá trị diện tích đất chênh lệch là thiếu căn cứ, làm thiệt thòi quyền lợi của ông H, bà T. Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà D phải trả cho ông H, bà T giá trị quyền sử dụng đất theo chứng thư thẩm định số 31/10/05/2017/TĐG LA-BĐS ngày 10/5/2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn H.

[3] Do sửa án sơ thẩm nên cũng cần phải sửa phần án phí sơ thẩm mà các bên đương sự phải chịu.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị D. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 30; Điều 115; Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tuyên xử:

a/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Trương Thị D.

- Buộc bà Trương Thị D có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 469,2m^2, tọa lạc thị trấn T1,

huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu A, B1 trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú).

Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T được quyền quản lý, sử dụng và được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 469,2m^2, tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu A, B1 trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú).

Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T được sở hữu toàn bộ cây trồng có trên phần đất ký hiệu A, B1 nói trên mà không phải bồi thường giá trị cây trồng cho bà Trương Thị D.

Bà Trương Thị D và bà Lê Thị G có nghĩa vụ tháo dỡ nhà 1 diện tích 22,2m^2 trên phần đất ký hiệu khu A, diện tích 411m^2 thuộc một phần thửa 58, TBĐ số 1, tọa lạc tại thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú); di dời hồ nước và các vật dụng khác để giao trả phần đất ký hiệu A, B1 nói trên cho ông H, bà T.

- Bà Trương Thị D được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng và được liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần thửa đất số 58, TBĐ số 1, diện tích 523,8m^2, tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An (ký hiệu khu B trong Mảnh trích đo địa chính ngày 21/6/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H).

- Bà Trương Thị D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T giá trị quyền sử dụng 523,8m^2 đất, tọa lạc thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An. Căn cứ chứng thư thẩm định số 31/10/05/2017/TĐG LA-BĐS ngày 10/5/2017 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn H), đơn giá đất là 502.000đồng/m^2 . Như vậy bà D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H, bà T số tiền là: 523,8m^2 x 502.000 đồng/m^2 = 262.947.600 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

b/ Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1589/UB.QĐ.88 ngày 08/12/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An v/v quy hoạch đất cho cán bộ, chiến sỹ Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp III định canh, định cư tại xã T2, T2.

c/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị D phải chịu 23.939.440 đồng (Hai mươi ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng). Khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 3660 ngày 02/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1. Bà D có nghĩa vụ nộp tiếp 23.739.440 đồng (Hai mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị T 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà đương sự đã nộp theo biên lai thu số 3234 ngày 13/10/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trương Thị D phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0009680 ngày 27/7/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho đương sự số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009677 ngày 27/7/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An (Do ông Phan Trần Tuấn S nộp).

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NĐ (2);
- BĐ (1);
-NLQ (7);
- Lưu (3) 21b (Án39)

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Tú Oanh